

Bản án số: 207/2022/DS-PT

Ngày: 16-9-2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và hủy quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Phong – Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
toà:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/TBTL-TA ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích N; địa chỉ: thôn 3, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng N P; địa chỉ: thôn 4, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 08/9/2022)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N; địa chỉ: xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

Người đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh N – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Khánh T – Chủ tịch UBND xã B.

3. Ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 3, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Ông H; bà D; địa chỉ: Làng D, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Làng D, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Bích N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N trình bày:

Vào ngày 17-10-2008 bà có lập “Giấy sang nhượng đất” viết tay nhận sang nhượng của vợ chồng ông H và bà D trú tại làng D 1, xã B lô đất diện tích $5 \times 30 = 150\text{m}^2$ đất vườn, bà đã đưa đủ tiền.

Sau đó hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng đất do bà Cao Thị Thanh D cán bộ địa chính tham mưu cho ông Phạm P Chủ tịch UBND xã B, thành phố P ký chứng thực ngày 15-12-2008.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H; phía Tây giáp đường đi; phía Nam giáp đất ông H; phía Bắc giáp đất bà L.

Ngày 8-11- 2008 vợ chồng ông H giao Giấy CNQSD đất cho bà tự ra UBND xã B làm hồ sơ cấp GCNQSD đất. Ngày 20-3-2009 UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất cho bà số AO310233 thuộc thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23 mang tên bà Đặng Thị Bích N.

Thời gian sang nhượng lô đất đến nay là 10 năm (2009-2019) do tin tưởng Giấy CNQSD đất do UBND thành phố cấp có trích lục rõ ràng nên bà không đóng trụ và không sử dụng vào sản xuất. Ông H có xin trồng rau thì bà đồng ý. Sau đó đến năm 2010 ông H bán cho hộ khác mà bà không hề hay biết. Đến năm 2017 bà mới phát hiện và gặp hỏi ông H thì ông nói là không có bán.

Qua tìm hiểu phát hiện ông H đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H. Ngày 01/4/2010, vợ chồng ông S và bà H được UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất số BA533410 thuộc thửa số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 144m. Sau đó ông S lại tiếp tục sang nhượng cho ông Nguyễn Trọng N.

Đến ngày 18/4/2017 bà làm đơn kiến nghị lên UBND Thành phố P và Phòng Tài nguyên và môi trường. Ngày 27/3/2018, UBND thành phố P có công văn số 471/UBND - TTr trả lời Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 364 lập giữa bà với vợ chồng ông H được Chủ tịch UBND xã B chứng thực ngày 15/12/2008, không có chữ ký hay điểm chỉ xác nhận của bên chuyển nhượng là không đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2018 UBND thành phố P ra Quyết định số 2136/QĐ- UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số AO310233 do UBND thành phố P cấp ngày 20/3/2009 mang tên bà Đặng Thị Bích N.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết:

Hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 310233 do UBND thành phố P cấp ngày 20-3-2009 cho bà Đặng Thị Bích N.

Hủy Giấy CNQSD đất số BA533410 thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 144m² địa chỉ: làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai do UBND thành phố P cấp ngày 01/4/2010 cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trọng N trả lại thửa đất số 404G tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² tại địa chỉ làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía đông giáp đất bà Lê dài 5m; phía tây giáp đường đi dài 5m; phía nam giáp đất ông Lành dài 30m; phía Bắc giáp đất ông Ca dài 30m.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Năm 2015 ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 144m² theo Giấy CNQSD đất số BA533410 do UBND thành phố P cấp ngày 01/4/2010. Khi nhận chuyển nhượng đất không thấy ai tranh chấp. Vợ chồng ông đã xây dựng nhà ở và sử dụng ổn định từ năm 2015 cho đến nay.

Do vậy, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông H và bà D trình bày:

Vợ chồng ông bà chuyển nhượng đất cho bà Đặng Thị Bích N 03 lần.

Lần 1: chuyển nhượng 10 mét chiều ngang mặt đường và chiều sâu khoảng 30m, với giá 5.000.000 đồng/1m ngang. Diện tích 300m² (50m² đất ở, 250m² đất vườn) theo HĐCN số 54/01 được UBND xã B chứng thực ngày 03/3/2008.

Lần 2 chuyển nhượng lô liền kề 5 mét ngang mặt đường và chiều sâu khoảng 30m, với giá 8.000.000 đồng/1m ngang. Diện tích 150m² (25m² đất ở, 125m² đất vườn) theo HĐCN số 56/01 được UBND xã B chứng thực ngày 03/3/2008.

Lần 3 chuyển nhượng lô liền kề tiếp 5 mét chiều ngang mặt đường và chiều sâu khoảng 30m, giá 8.000.000 đồng/1m ngang. Diện tích 150m² (25m² đất ở, 125m² đất vườn) theo HĐCN số 55/01 được UBND xã B chứng thực ngày 03/3/2008.

Thời điểm đó bà Đặng Thị Bích N làm Phó Chủ tịch xã B nên mọi giấy tờ, tài liệu sang nhượng đất đều do bà N đi làm. Việc mua bán đất vợ chồng ông bà chỉ biết bà Đặng Thị Bích N vì bà N đứng ra mua và giao tiền. Vợ chồng ông Đặng N P, Nguyễn Thị L và vợ chồng ông Đặng N H, Võ Thị Đ là anh em ruột của bà N, bà N là người đứng ra mua cho những ông bà này và sau đó bà N làm mọi giấy tờ sang tên cho ông P, bà L và ông H, bà Đ vợ chồng ông bà không biết những người này là ai.

Đối với “Giấy sang nhượng đất” viết tay đề ngày 17-10-2008 là đúng chữ ký, chữ viết của ông nhưng không phải chữ ký của bà D. Lúc đó bà N đưa cho ông giấy này kêu ông ký với lý do sang nhượng 20m đất như đã khai trên, ông không ngờ bà N đưa cho ông ký giấy để bán 5m đất (hiện đang tranh chấp) do tin tưởng không đọc nên ông đã ký nhầm.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên bên chuyển nhượng là vợ chồng ông với bên nhận chuyển nhượng là bà Đặng Thị Bích N được UBND xã B chứng thực ngày 05-12-2008 là giả. Không phải chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông.

Ông, bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N, vì toàn bộ giấy tờ hợp đồng sang nhượng đều do bà N làm giả vì lúc đó bà đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã.

Ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào thời điểm năm 2009, ông có mua 5m đất ngang theo mặt đường hẻm của ông H, vào thời điểm này ông H có chỉ vị trí đất cho ông. Vị trí lô đất nằm tiếp giáp với đất của ông T, bà L. Khi nhận chuyển nhượng đất không thấy ai tranh chấp. Ngày 01/4/2010 vợ chồng ông được UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất số BA533410 thuộc thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 144m². Đến năm 2015 vợ chồng ông, bà sang nhượng lại cho ông Nguyễn Trọng N (bố vợ) và đã xây nhà và sử dụng ổn định từ năm 2015 cho đến nay. Ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N.

Bà Đoàn Thị Đ trình bày: Bà là vợ của bị đơn ông Nguyễn Trọng N, bà đồng ý với lời trình bày của ông N. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N.

Ủy ban nhân dân thành phố P, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh Nga - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường:

Ngày 4/12/2017, UBND thành phố đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh VPĐK đất đai thành phố P, cán bộ địa chính xã Biên Hồ và các hộ có liên quan kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và đối chiếu hồ sơ pháp lý về đất đai của các hộ.

Qua làm việc xác định vị trí đất, cùng một thửa đất 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² của ông H đã được UBND Xã B chứng thực 02 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho 02 người là bà Đặng Thị Bích N tại Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/12/2008 và ông Nguyễn Quang S tại Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 5/10/2009.

Ngày 20/3/2009, UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất số AO 310233, thửa đất 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² cho bà Đặng Thị Bích N.

Ngày 01/4/2010, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 533410, thửa 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H

Qua thẩm tra, xác minh Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Bích N được UBND xã B chứng thực ngày 15/12/2008 cho thấy trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ có chữ ký của bên nhận chuyển nhượng là bà Đặng Thị Bích N, không có chữ ký của bên chuyển nhượng là ông H. Không xác định được vị trí lô đất của bà N. Kể từ ngày bà N được cấp Giấy CNQSD đất bà Đặng Thị Bích N không quản lý, sử dụng đất

Qua thẩm tra, xác minh Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và Nguyễn Quang S được UBND xã B chứng thực ngày 05/10/2009, có đầy đủ chữ ký giữa các bên. Đất chuyển nhượng là thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m², có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn T (bà L), kích thước 30m; phía Nam giáp đất còn lại của ông H, kích thước 30m; phía Đông giáp đất còn lại của ông H, kích thước 05m; phía Tây giáp đường đi, kích thước 05m. Ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng toàn bộ lô đất trên cho ông Nguyễn Trọng N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chính lý ngày 26/10/2015. Năm 2015 ông N đã xây dựng nhà trên lô đất này. UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất số

AO310233 ngày 20/3/2009 cho bà Đặng Thị Bích N thừa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m² thuộc làng D 1, xã B là không đúng quy định của pháp luật. Do đó ngày 22/11/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND thu hồi Giấy CNQSD đất số AO 310233 cấp ngày 20/3/2009 cho bà Đặng Thị Bích N là đúng. Các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N là không có căn cứ.

Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, ông Đặng Khánh - Chủ tịch UBND xã trình bày:

Ngày 15/12/2008, UBND xã Biên Hồ có ký chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng QSD thửa đất 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m² tại làng D 1, xã B cho bà Đặng Thị Bích N và ngày 5/10/2009 cũng có ký chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng QSD thửa đất 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m² tại làng D 1, xã B giữa ông H và Nguyễn Quang S. Thời gian cũng đã lâu, người ký chứng thực lúc đó là ông Phạm P - Chủ tịch UBND xã hiện đã nghỉ hưu, cán bộ địa chính xã cũng đã chuyển công tác đi nơi khác. Hiện UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ để xem xét.

Khi ông Nguyễn Trọng N xây nhà, UBND xã có cử cán bộ tiến hành đo đạc, vào thời điểm đó không phát hiện thửa đất được cấp chồng nên ông N tiếp tục xây dựng nhà trên thửa đất tranh chấp.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 37, 147, 157, 161, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 99, 106, 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N về việc:

Hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của UBND thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO310233 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 20-3-2009 cho bà Đặng Thị Bích N.

Hủy Giấy CNQSD đất số BA 533410 thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m² (theo thẩm định 144m²) địa chỉ: Làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai do UBND thành phố P cấp ngày 01-4-2010 cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trọng N trả lại 150m² đất theo tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía đông giáp đất bà Lê dài 5m; Phía tây giáp đường đi dài 5m; Phía nam giáp đất ông Lành dài 30m; Phía bắc giáp đất ông Ca dài 30m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 23/6/2022, bà Đặng Thị Bích N nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguồn gốc thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23; diện tích 144m² (theo kết quả thẩm định thực tế) tại làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai trước đây thuộc quyền sử dụng của ông H và bà D theo Giấy CNQSD đất số Q097056 do UBND thành phố P cấp ngày 16-12-1999, thửa đất số 404 diện tích: 3620m², tờ bản đồ số 23 (47 mới) tại làng D 1, xã B (bút lục 388).

[2] Cùng một thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² của ông H, UBND Xã B đã chứng thực 02 hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho 02 người là bà Đặng Thị Bích N tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/12/2008 và ông Nguyễn Quang S tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 5/10/2009.

[3] Ngày 20/3/2009, UBND thành phố P cấp Giấy CNQSD đất số AO 310233, thửa đất 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² cho bà Đặng Thị Bích N. Ngày 01/4/2010, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 533410, thửa 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H.

[4] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Bích N được UBND xã B chứng thực ngày 15/12/2008: bản hợp đồng giao nộp và lưu tại cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) không có chữ ký của bên chuyển nhượng ông H và bà D, chỉ có chữ ký bên nhận chuyển nhượng là bà Đặng Thị Bích N; còn bản Hợp đồng lưu tại UBND xã B có thể hiện chữ ký bên chuyển nhượng là ông H và bà D nhưng theo bản Kết luận giám định số: 107/KLGĐ ngày 03-2-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và Kết luận giám định số: 85/KL- C09C (DD2) ngày 28-02-2022 của Phân viện Viện khoa học kỹ thuật hình sự Đà Nẵng thì chữ ký, chữ viết của bên chuyển nhượng trong hợp đồng này đều không phải chữ ký của ông H, đối với chữ ký của bà D các bên đều thừa nhận không phải chữ ký của bà D. Do bên chuyển nhượng ông H và bà D không ký vào hợp đồng nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/12/2008 là không hợp pháp.

[5] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và Nguyễn Quang S được UBND xã B chứng thực ngày 05/10/2009, có đầy đủ chữ ký giữa các bên. Đất chuyển nhượng là thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m², có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn T (bà L), kích thước 30m; phía Nam giáp đất còn lại của ông H, kích thước 30m; phía Đông giáp đất còn lại của ông H, kích thước 05m; phía Tây giáp đường đi, kích thước 05m. Ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng toàn bộ lô đất trên cho ông Nguyễn Trọng N được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chính lý ngày 26/10/2015. Năm 2015 ông N đã xây dựng nhà trên lô đất này.

[6] UBND thành phố P căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Bích N ngày 15/12/2008 không hợp pháp để cấp Giấy CNQSD đất số AO310233 ngày 20/3/2009 cho bà Đặng Thị Bích N thửa đất số 404G, tờ bản đồ số 23, diện tích 150m² thuộc làng D 1, xã B là không đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và Nguyễn Quang S được UBND xã B chứng thực ngày 05/10/2009 là hợp pháp nên Giấy chứng nhận QSD đất số BA 533410, thửa 404G, tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² cấp cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H là đúng pháp luật.

[7] Do đó, ngày 22/11/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2136/QĐ-UBND thu hồi Giấy CNQSD đất số AO 310233 cấp ngày 20/3/2009 cho bà Đặng Thị Bích N là đúng qui định của pháp luật.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N đề nghị hủy Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 310233 cấp ngày 20-3-2009 cho bà Đặng Thị Bích N; hủy Giấy CNQSD đất số BA 533410 do UBND

thành phố P cấp ngày 01/4/2010 cho ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị H; buộc ông Nguyễn Trọng N trả lại thửa đất số 404G tờ bản đồ số 23 diện tích 150m² tại địa chỉ làng D 1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai là có căn cứ.

[9] Về Giấy sang nhượng đất viết tay đề ngày 17-10-2008 chưa được công chứng, chứng thực hợp pháp nên việc chuyển nhượng đất chưa có hiệu lực. Tranh chấp liên quan đến giấy sang nhượng đất viết tay này có thể được giải quyết ở vụ kiện khác, nếu các bên có yêu cầu.

[10] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Bích N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Bích N;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
3. Án phí phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Bích N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000136 ngày 04/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự